

SELECRON 500EC

Phiên bản 7

Ngày cập nhật: 18.10.2011

MỤC 1. XÁC ĐỊNH SẢN PHẨM VÀ CÔNG TY SẢN XUẤT

1.1. Tên sản phẩm

- Tên sản phẩm : Selecron 500EC
- Mã thiết kế : A5775B

1.2. Sử dụng có liên quan xác định các chất hoặc hỗn hợp và sử dụng nên chống lại

Công dụng : Thuốc trừ sâu

1.3. Thông tin chi tiết của nhà cung cấp về bảng dữ liệu an toàn

Công ty : Công ty Syngenta Thụy Sĩ
Postfach, CH-4002 Basel, Thụy Sĩ
Điện thoại : +41 61 323 11 11
Telefax : +41 61 323 12 12
Địa chỉ E-mail : sds.ch @ syngenta.com

1.4. Số điện thoại khẩn cấp

Điện thoại khẩn cấp số: +44 1484 538444

MỤC 2. XÁC ĐỊNH MỐI NGUY

2.1. Phân loại các chất hoặc hỗn hợp

- Phân loại theo Quy chế (EU) 1272/2008

Chất lỏng dễ cháy	Nhóm 3	H226
Độc tính cấp tính	Nhóm 4	H302
Kích ứng da	Nhóm 2	H315
Kích ứng mắt	Nhóm 2	H319
Thủy sản nhiễm độc cấp tính	Nhóm 1	H400
Thủy sản nhiễm độc mãn tính	Nhóm 1	H411

Đối với các văn bản đầy đủ của loại “H” nêu tại mục này, xem Mục 16.

- Phân loại theo Chỉ thị EU 67/548/EEC hoặc 1999/45/EC

N, nguy hiểm cho môi trường

Xn hại

R10: dễ cháy

R22: có hại nếu nuốt phải

R36/38: dị ứng cho mắt và da.

R43: có thể gây kích ứng cho da khi tiếp xúc.

R50/53 Rất độc cho sinh vật dưới nước, có thể gây tác dụng phụ lâu dài trong môi trường nước.

SELECRON 500EC

Phiên bản 7

Ngày cập nhật: 18.10.2011

2.2. Yếu tố qui định về nhãn

- Ghi nhãn: Quy định (EC) số 1272/2008

Biểu tượng cảnh báo



Tín hiệu từ : Cảnh báo

Cảnh báo mối nguy hiểm : H226	Chất lỏng và hơi dễ cháy.
H302	Độc nếu nuốt phải.
H315	Gây dị ứng da.
H317	Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.
H319	Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.
H410	Rất độc cho đời sống thủy sinh với các hậu quả lâu dài.
Cảnh báo đề phòng : P102	Tránh xa khỏi tầm với của trẻ em.
P210	Tránh xa sức nóng/tia lửa/ngọn lửa/bề mặt nóng – không hút thuốc.
P270	Không ăn, uống, hút thuốc khi sử dụng sản phẩm.
P280	Mang găng tay, đeo mặt nạ và mặc quần áo bảo hộ
P301+P312	Nếu nuốt phải: ngay lập tức gọi TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sĩ/dược sĩ nếu thấy không khỏe.
P303+361+353	Nếu dính trên da (hoặc tóc): hủy bỏ/ cởi ngay lập tức tất cả quần áo bị ô nhiễm. rửa sạch da với nước và xà phòng.
P305+351+P338	Nếu dính vào mắt: thận trọng rửa sạch với nước trong nhiều phút. Loại bỏ kính áp tròng nếu được. Tiếp tục rửa.
P391	Thu dọn khi chảy tràn.
P501	các thùng chứa chất thải được đưa tới nhà máy có chức năng xử lý chất thải.
Bổ sung thông tin EUH401	Để tránh rủi ro cho sức khỏe con người và môi trường, thực hiện theo các hướng dẫn sử dụng.

Các thành phần nguy hại phải được liệt kê trên nhãn:

- Profenofos

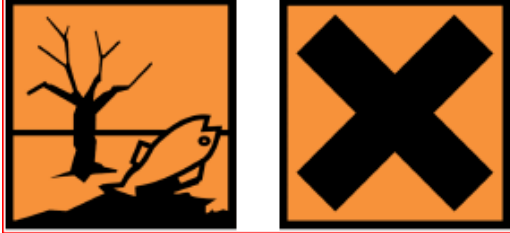
SELECRON 500EC

Phiên bản 7

Ngày cập nhật: 18.10.2011

Ghi nhãn: Chỉ thị EU 67/548/EEC hoặc 1999/45/EC

Biểu tượng (s):



Có hại

Nguy hiểm cho môi trường

Cụm từ R	R10	dễ cháy
	R22	Có hại khi nuốt phải.
	R36/38	dị ứng cho mắt và da.
	R43	có thể gây kích ứng khi tiếp xúc với da.
	R50/53	Rất độc cho sinh vật thủy sinh, có thể gây tác động bất lợi trong môi trường nước lâu dài.
Cụm từ -S	S 2	Đề xa tầm tay trẻ em.
	S13	Tránh xa thực phẩm, đồ uống và thức ăn cho động vật.
	S20/21	Không ăn, uống hoặc hút thuốc trong khi sử dụng.
	S28	Sau khi tiếp xúc với da, ngay lập tức rửa nhiều lần với nước và xà phòng.
	S35	nguyên liệu và vật chất chứa nó cần phải được xử lý một cách an toàn.
	S36/37/39	Mang găng tay, đeo mặt nạ và mặc quần áo bảo hộ.
S57	sử dụng vật chứa thích hợp để tránh ô nhiễm môi trường.	
Thêm vào nhãn	:	Để tránh rủi ro cho con người và môi trường, thực hiện theo các hướng dẫn khi sử dụng.

2.3. Các mối nguy hiểm khác: chưa biết.

SELECRON 500EC

Phiên bản 7

Ngày cập nhật: 18.10.2011

MỤC 3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CẤU TẠO

Hỗn hợp

Thành phần nguy hại:

Tên hóa học	CAS-No. EC-No. Số đăng ký	Phân loại (67/548/EEC)	Phân loại (Quy chế (EC) số 1272/2008)	Độ đậm đặc
Profenofos	41198-08-7 255-255-2	Xn , N R20/21/22 R50/53	Acute Tox.4; H302 Acute Tox.4; H332 Acute Tox.3; H311 Skin Sens.1; H317 Thủy sản Acute1; H400 Thủy sản Chronic1; H410	43.4% W/W

Giới hạn phơi nhiễm hóa chất ở nơi làm việc

Đối với các văn bản đầy đủ của cụm từ - R nêu tại mục này, xem Mục 16.

Đối với các văn bản đầy đủ của cụm từ - H nêu tại mục này, xem Mục 16.

MỤC 4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU**4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu**

- Lời khuyên chung : Đem theo bao bì chứa sản phẩm , nhãn hoặc tờ thông tin an toàn sản phẩm khi bạn gọi đến số điện thoại khẩn cấp của Syngenta, trung tâm kiểm soát ngộ độc hoặc đến chữa trị.
- Hít phải : Mang người bị nạn đặt ở nơi thoáng khí. Nếu khó thở hoặc ngưng thở thì phải tiến hành hô hấp nhân tạo. Giữ ấm cho nạn nhân và nghỉ ngơi. Lập tức gọi bác sỹ hoặc trung tâm kiểm soát ngộ độc
- Tiếp xúc với da : Cởi bỏ áo quần bị dính thuốc ngay lập tức. Rửa chỗ bị dính thuốc bằng nhiều nước sạch. Nếu da bị sưng tấy, rát, gọi cho bác sĩ. Giặt áo quần bị dính thuốc thật sạch trước khi dùng lại.
- Tiếp xúc với mắt : Lập tức rửa mắt bị dính thuốc bằng thật nhiều nước sạch, ngay cả bên dưới mí mắt ít nhất trong 15 phút. Loại bỏ kính sát trùng. Chữa trị y khoa ngay khi có yêu cầu
- Nuốt phải : Nếu nuốt phải, lập tức tìm hướng dẫn chữa trị y khoa ngay trên nhãn chai.
Không được nôn.

4.2. Triệu chứng quan trọng nhất và hiệu ứng, gồm cấp tính và lâu dài

Triệu chứng : các triệu chứng của sự ức chế cholinesterase.

4.3. Chỉ định y tế ngay lập tức và điều trị đặc biệt cần thiết

SELECRON 500EC

Phiên bản 7

Ngày cập nhật: 18.10.2011



Tư vấn y tế : gọi cho Syngenta, số khẩn cấp được hiển thị trong tài liệu này, trung tâm chống độc hoặc đến bác sĩ ngay để được điều trị.

Nên lấy máu ở tĩnh mạch để xác định cholinesterase hoạt động trong máu (sử dụng ống heparin)

Dùng atropine sulfate, hoặc bằng cách tiêm vào bắp hay tĩnh mạch, dependant trên mức độ nghiêm trọng của ngộ độc.

Thuốc giải độc đặc biệt là oximes (vd: pralidoxime) hoặc Toxogonin.

MỤC 5. BIỆN PHÁP CHỮA CHÁY

5.1 Phương tiện chữa cháy

- Đối với đám cháy nhỏ: Sử dụng bình phun nước, bột chống cồn, hóa chất khô hoặc khí CO₂.
- Đối với đám cháy lớn: Sử dụng xốp chống cồn hoặc Phun nước

Không dùng vòi nước xịt trực tiếp vào đám cháy để tránh làm phát tán và gây cháy lan.

5.2 Đặc biệt nguy hiểm phát sinh từ các chất hoặc hỗn hợp

Do thuốc bao gồm thành phần hữu cơ dễ cháy, đám cháy sinh ra khói đen chứa hơi độc (xem mục 10).

Tiếp xúc với các sản phẩm bị phân hủy này có thể nguy hại đến sức khỏe.

5.3 Tư vấn cho nhân viên cứu hỏa

Mang đầy đủ quần áo bảo hộ kín và dụng cụ thở.

MỤC 6. BIỆN PHÁP XỬ LÝ SỰ CỐ

6.1. Biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo vệ và thủ tục khẩn cấp

Hãy tham khảo các biện pháp bảo vệ liệt kê trong mục 7 và 8.

Giữ cho mọi người tránh xa nơi đầu hướng gió của vụ tràn/rò rỉ.

Cẩn thận sự tích tụ của hơi độc để tạo thành nồng độ gây nổ. Hơi độc có thể tích lũy ở các khu vực thấp.

Loại bỏ tất cả các nguồn phát lửa.

Chú ý đến flashback.

6.2. Ngăn ngừa về môi trường

Ngăn chặn sự rò rỉ tiếp tục hoặc bị đổ nếu an toàn để ngăn chặn.

Không đổ thuốc vào hệ thống nước mặt hoặc cống rãnh

6.3. Các phương pháp và vật liệu để ngăn chặn và làm sạch

Ngăn chặn sự đổ thuốc và thu gom bằng vật liệu thấm hút không cháy (cát, đất, đất sét, đất khoáng) và cho vào thùng chứa để hủy theo quy định (xem mục 13).

Nếu thuốc bị chảy ra sông, hồ hoặc mương nước phải thông báo với chính quyền sở tại.

SELECRON 500EC

Phiên bản 7

Ngày cập nhật: 18.10.2011

6.4. Tham khảo cho các phần khác

Hãy tham khảo các biện pháp bảo vệ liệt kê trong mục 7 và 8.

Hãy tham khảo việc xem xét xử lý được liệt kê trong mục 13.

MỤC 7. XỬ LÝ VÀ LƯU TRỮ

7.1 Phòng ngừa để xử lý an toàn

Tránh tiếp xúc với da và mắt.

Khi sử dụng không ăn, uống hoặc hút thuốc.

Chỉ sử dụng trong khu vực có chứa thiết bị chống cháy.

Các biện pháp phòng ngừa chống lại tĩnh điện.

Đề bảo vệ cá nhân, xem mục 8.

7.2. Điều kiện để lưu trữ an toàn, bao gồm các điều kiện không tương thích

Không có điều kiện bảo quản đặc biệt.

Giữ các thùng chứa đầy kín ở một nơi khô ráo, mát, thông thoáng.

Để xa tầm tay trẻ em.

Giữ xa nguồn thực phẩm, đồ uống và thức ăn cho gia súc.

Tính chất vật lý và hóa học ổn định cho ít nhất 2 năm khi được lưu trữ trong tình trạng đóng gói nguyên vẹn ở nhiệt độ môi trường.

7.3. Kết thúc sử dụng

Đăng ký sản phẩm bảo vệ cây trồng: Để sử dụng hợp lý và an toàn sản phẩm, xin vui lòng tham khảo các điều kiện phê duyệt trên nhãn hiệu sản phẩm.

MỤC 8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM VÀ BẢO VỆ CÁ NHÂN

8.1 Kiểm soát các thông số

Thành phần	Giới hạn phơi nhiễm	Loại giới hạn phơi nhiễm	Nguồn
Profenofos	3 mg/m ³	8 h TWA	Syngenta

Các khuyến nghị sau đây để kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân dành cho sản xuất, phối trộn và đóng gói của sản phẩm.

8.2. Kiểm soát phơi nhiễm

Biện pháp kỹ thuật : Việc ngăn chặn và/hoặc cách ly là biện pháp bảo vệ kỹ thuật đáng tin cậy nhất nếu không thể loại bỏ được sự phơi nhiễm. Việc kéo dài những biện pháp bảo vệ này phụ thuộc vào mối nguy thực sự trong quá trình sử dụng. Nếu sương hoặc hơi thuốc bay ra, sử dụng điều khiển thông khí riêng.

SELECRON 500EC

Phiên bản 7

Ngày cập nhật: 18.10.2011



Đánh giá sự phơi nhiễm và sử dụng bất cứ biện pháp phụ trợ nào để giữ mức hơi sương dưới mức phơi nhiễm tương ứng. Khi cần thiết, tìm thêm thông tin về bảo vệ vệ sinh nghề nghiệp

Biện pháp bảo vệ : Việc dùng các biện pháp kỹ thuật nên luôn được ưu tiên hơn so với việc sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân. Khi lựa chọn trang thiết bị bảo vệ cá nhân, nên tìm lời khuyên chuyên nghiệp phù hợp. Phương tiện bảo vệ cá nhân nên được xác nhận theo tiêu chuẩn phù hợp

Bảo vệ cơ quan hô hấp : Không có thiết bị bảo vệ hô hấp cá nhân thường được yêu cầu.

Một bộ lọc bụi hô hấp có thể là cần thiết cho đến khi giải pháp kỹ thuật hiệu quả được thay thế.

Bảo vệ tay : Nên sử dụng găng tay chống hoá chất. Chọn găng tay dựa vào yêu cầu công việc cơ học.

Găng tay nên được chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn.

Găng tay nên có thời gian thử nghiệm tối thiểu để phù hợp với sự tiếp xúc lâu dài.

Thời gian sử dụng của găng tay thay đổi tùy theo độ dày, vật liệu và nhà sản xuất.

Găng tay nên được bỏ đi và thay thế nếu có bất kỳ dấu hiệu của hóa chất ngấm vào.

Chất liệu phù hợp.

Cao su Nitrile.

Bảo vệ mắt : khi sử dụng hóa chất để an toàn cho mắt nên đeo kính bảo hộ.

Bảo vệ da và cơ thể : Đánh giá độ phơi sáng và chọn quần áo chống hóa chất dựa trên khả năng tiếp xúc và các đặc tính thấm thấu/ xâm nhập của vật liệu quần áo.

Rửa bằng xà phòng và nước sau khi thay quần áo bảo hộ.

Khử nhiễm quần áo trước khi sử dụng lại hoặc sử dụng các thiết bị dùng một lần (bộ quần áo, tạp dề, tay áo, giày ống...)

Mặc phù hợp: không thấm nước bảo vệ bộ đồ.

MỤC 9. TÍNH CHẤT HOÁ LÝ

9.1. Thông tin về đặc tính vật lý và hóa học cơ bản

Tình trạng vật lý	: chất lỏng
Dạng	: lỏng
Màu sắc	: màu nâu vàng
Mùi	: không có dữ liệu
pH	: 4-8 tại 1% w/v
Điểm nóng chảy/khoảng	: không có dữ liệu
Điểm sôi/sôi khoảng	: >125°C.

SELECRON 500EC

Phiên bản 7

Ngày cập nhật: 18.10.2011

Điểm cháy	: $\geq 24^{\circ}\text{C}$
Tỷ lệ bay hơi	: không có dữ liệu.
Tính dễ cháy (rắn/khí)	: không có dữ liệu.
Thấp hơn giới hạn nổ	: không có dữ liệu.
Cao hơn giới hạn nổ	: không có dữ liệu.
Áp suất hơi	: không có dữ liệu.
Mật độ hơi tương đối	: không có dữ liệu.
Tỷ trọng	: 1.13-1.17 g/cm ³ ở 20°C
Độ tan trong các dung môi khác	: không có dữ liệu.
Hệ phân số	: không có dữ liệu.
Nhiệt độ tự bốc cháy	: không có dữ liệu.
Tự phân hủy	: không có dữ liệu.
Độ nhớt, năng động	: không có dữ liệu.
Độ nhớt, động học	: không có dữ liệu.
Tính nổ	: không có dữ liệu.
Tính oxy hóa	: không có dữ liệu.

9.2. Các thông tin khác

không có dữ liệu.

MỤC 10. TÍNH ỔN ĐỊNH VÀ TÍNH PHẢN ỨNG**10.1. Tính phản ứng**

Không có thông tin có sẵn.

10.2. Tính ổn định hóa chất

Không có thông tin có sẵn.

10.3. Phản ứng nguy hại

Chưa biết đến.

Phản ứng trùng hợp không xảy ra.

10.4. Điều kiện để tránh

Không có thông tin có sẵn.

10.5. Vật liệu không tương thích

Không có thông tin có sẵn.

10.6. Sản phẩm phân hủy độc hại

Đốt cháy hoặc phân hủy bằng nhiệt sẽ tạo ra khí độc và dị ứng.

SELECRON 500EC

Phiên bản 7

Ngày cập nhật: 18.10.2011

PHẦN 11. THÔNG TIN VỀ SỰ ĐỘC HẠI**11.1. Thông tin về tác dụng độc tính**

Độc cấp tính qua đường miệng	: LD50 chuột 810mg/kg
Độc cấp tính qua đường hô hấp	: LC50 chuột, ca.4,000 mg/m ³ , 4h
Nhiễm độc cấp tính qua da	: LD50 chuột, >4,000 mg/kg
Ăn mòn da/dị ứng	: thỏ: kích ứng
Tổn thương mắt/ kích ứng mắt	: Thỏ: kích ứng
Hô hấp hoặc da nhạy cảm	: Chuột lang: gây kích ứng da trong các thử nghiệm trên động vật.
Tế bào mầm đột biến	
Profenofos	: không hiển thị các hiệu ứng gây đột biến trong các thí nghiệm động vật.
Gây ung thư	
Profenofos	: không hiển thị các hiệu ứng gây ung thư trong các thí nghiệm động vật.
Gây quái thai	
Profenofos	: không hiển thị các hiệu ứng gây quái thai trong các thí nghiệm động vật.
Độc tính sinh sản	
Profenofos	: không hiển thị các hiệu ứng gây độc tính sinh sản trong các thí nghiệm động vật.
STOT – phơi nhiễm một lần	
2-methylpropan-1-ol	: có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt.
STOT – phơi nhiễm nhiều lần	
Profenofos	: không có tác dụng phụ được ghi nhận trong các thử nghiệm mãn tính độc tính.

MỤC 12. THÔNG TIN SINH THÁI**12.1. Độc tính**

Độc tính đối với cá	: LC50 Salmo trutta (cá hồi), 0.19 mg/l trong 96h. Dựa trên kết quả thu được với các sản phẩm tương tự.
Độc tính đối với động vật thủy sinh	: EC50 Daphnia magna (tảo lục) ca.0.002mg / l, 48 h Có nguồn gốc từ các thành phần.
Độc tính đối với cây thủy sinh	: EbC Desmodesmus subspicatus (tảo lục), ca. 2 mg/l, 72h. Có nguồn gốc từ các thành phần.

SELECRON 500EC

Phiên bản 7

Ngày cập nhật: 18.10.2011

12.2. Sự tồn tại và phân hủy

Tính ổn định trong nước

Profenofos

Nửa chu kì phân hủy là: 15h

Không bền trong nước.

Tính ổn định trong đất

Profenofos

Nửa chu kì phân hủy là: 1.9 – 2.9d

Không bền trong đất.

12.3. Sự tích tụ sinh học

Profenofos

: tích lũy sinh học cao.

12.4. Tính di động trong đất

Profenofos

: có tính di động thấp trong đất.

12.5. Kết quả đánh giá PBT và vPvB

Profenofos

: Chất này không được xem là bền, cũng không tích tụ chất độc hại (PBT).

Chất này không bền và tích tụ độc hại (VPvB).

12.6. Các tác dụng phụ

Chưa biết

MỤC 13. PHÂN HỦY

13.1. Phương pháp xử lý chất thải

Sản phẩm

: Không gây ô nhiễm ao hồ, sông ngòi, ruộng với hóa chất hoặc vật chứa đã sử dụng.

Không bỏ chất thải vào cống rãnh.

Ưu tiên tái chế nếu có thể hơn là đem hủy hoặc đốt.

Nếu không thể tái chế thì xử lý theo quy định của địa phương.

Bao bì bị ô nhiễm

: Làm sạch thuốc còn lại trong bao bì. Rửa ba lần đối với vật chứa.

Vật chứa nên được đưa đến những nơi có chức năng tái chế hoặc xử lý chất thải.

Không tái sử dụng vật chứa được làm sạch.

SELECRON 500EC

Phiên bản 7

Ngày cập nhật: 18.10.2011

MỤC 14. THÔNG TIN VẬN TẢI

Vận tải đường bộ (ADR / RID)

- 14.1. Số UN : UN 1993
- 14.2. Tên đúng trên lô hàng xuất : CHẤT DỄ CHÁY, N.O.S
(Xylenes and Profenofos)
- 14.3. Loại giao thông vận tải nguy hiểm (es) : 3
- 14.4. Nhóm đóng gói : III
Nhãn : 3
- 14.5. Tác động môi trường : độc hại môi trường

Vận tải đường biển (IMDG)

- 14.1. Số UN : UN 1993
- 14.2. Tên đúng trên lô hàng xuất : CHẤT DỄ CHÁY, N.O.S
(Xylenes and Profenofos)
- 14.3. Loại giao thông vận tải nguy hiểm (es) : 3
- 14.4. Nhóm đóng gói : III
Nhãn : 3
- 14.5. Tác động môi trường : gây ô nhiễm biển

Vận tải hàng không (IATA DGR)

- 14.1. Số UN : UN 1993
- 14.2. Tên đúng trên lô hàng xuất : CHẤT DỄ CHÁY, N.O.S
(Xylenes and Profenofos)
- 14.3. Loại giao thông vận tải nguy hiểm (es) : 3
- 14.4. Nhóm đóng gói : III
Nhãn : 3
- 14.5. Biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng: không có
- 14.6. Giao thông vận tải số lượng lớn theo Phụ lục II của MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC: không áp dụng
-

SELECRON 500EC

Phiên bản 7

Ngày cập nhật: 18.10.2011

MỤC 15. THÔNG TIN PHÁP LÝ

15.1. Quy định / pháp luật cụ thể về an toàn, sức khỏe và môi trường cho các chất hoặc hỗn hợp

GHS-ghi nhãn

Biểu tượng cảnh báo



Cảnh báo môi nguy hiểm : H226

Chất lỏng và hơi dễ cháy.

H302

Độc nếu nuốt phải.

H315

Gây dị ứng da.

H317

Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.

H319

Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

H410

Rất độc cho đời sống thủy sinh với các hậu quả lâu dài.

Cảnh báo đề phòng

: P102

Tránh xa khỏi tầm với của trẻ em.

P210

Tránh xa sức nóng/tia lửa/ngọn lửa/bề mặt nóng – không hút thuốc.

P270

Không ăn, uống, hút thuốc khi sử dụng sản phẩm.

P280

Mang găng tay, đeo mặt nạ và mặc quần áo bảo hộ

P301+P312

Nếu nuốt phải: ngay lập tức gọi TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC hoặc bác sĩ/dược sĩ nếu thấy không khỏe.

P303+361+353

Nếu dính trên da (hoặc tóc): hủy bỏ/ cởi ngay lập tức tất cả quần áo bị ô nhiễm. rửa sạch da với nước và xà phòng.

P305+351+P338

Nếu dính vào mắt: thận trọng rửa sạch với nước trong nhiều phút. Loại bỏ kính áp tròng nếu được. Tiếp tục rửa.

P391

Thu dọn khi chảy tràn.

P501

các thùng chứa chất thải được đưa tới nhà máy có chức năng xử lý chất thải.

Bổ sung thông tin

EUH401

Để tránh rủi ro cho sức khỏe con người và môi trường, thực hiện theo các hướng dẫn sử dụng.

Ghi chú

: Phân loại sử dụng tất cả các lớp nguy hiểm GHS và chuyên mục. Trường hợp GHS chứa các tùy chọn, tùy chọn bảo thủ nhất được chọn. Triển khai thực hiện khu vực hoặc quốc gia của GHS có thể không thực hiện tất cả loại nguy hiểm và chuyên mục.

Các thành phần nguy hại phải được liệt kê trên nhãn:

SELECRON 500EC

Phiên bản 7

Ngày cập nhật: 18.10.2011

- Profenofos

15.2. Đánh giá an toàn hóa chất

Đánh giá An toàn hóa chất không cần thiết cho chất này.

MỤC 16. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin

Văn bản đầy đủ của nhóm từ R được gọi theo các mục 2 và 3:

R10	dễ cháy
R20/21	có hại khi kích ứng khi tiếp xúc với da
R20/21/22	Có hại khi nuốt phải và kích ứng khi tiếp xúc với da.
R37/38	dị ứng cho hệ hô hấp và da.
R38	Kích ứng da.
R41	Gây tổn hại nghiêm trọng cho mắt.
R50/53	Rất độc cho sinh vật dưới nước, có thể gây ảnh hưởng lâu dài trong môi trường nước.
R67	hơi thuốc có thể gây ra buồn ngủ và chóng mặt.

Văn bản đầy đủ của cụm từ - H theo mục 2 và 3.

H226	Chất lỏng và hơi dễ cháy.
H302	độc nếu nuốt phải.
H311	rất độc khi tiếp xúc với da.
H312	có hại khi tiếp xúc với da.
H315	Gây dị ứng da.
H317	Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.
H318	Nguyên nhân gây ra tổn thương mắt.
H319	Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
H332	Có hại nếu hít phải
H335	Gây kích ứng đường hô hấp.
H336	Có thể gây buồn ngủ hoặc chóng mặt.
H400	Rất độc hại đối với đời sống thủy sinh.
H410	Rất độc cho đời sống thủy sinh với các hậu quả lâu dài.
H411	Rất độc cho đời sống thủy sinh với các hậu quả lâu dài.

Các thông tin được cung cấp trên Bảng dữ liệu an toàn là chính xác tốt nhất của thông tin, kiến thức của chúng tôi và niềm tin ở ngày đăng Công báo. Các thông tin cung cấp được thiết kế chỉ như là một hướng dẫn để xử lý an toàn, sử dụng, chế biến, lưu trữ, vận chuyển, xử lý, phát hành và không được xem xét bảo hành chất lượng đặc điểm kỹ thuật. Thông tin chỉ liên quan đến vật chất cụ thể và có thể không có giá trị

SELECRON 500EC

Phiên bản 7

Ngày cập nhật: 18.10.2011

vật, được sử dụng kết hợp với bất kỳ tài liệu nào khác hoặc trong bất kỳ quá trình, trừ trường hợp quy định tại văn bản.

Thay đổi kể từ khi phiên bản cuối cùng được đánh dấu ở bên lề. Phiên bản này thay thế tất cả các phiên bản trước đó.

Tên sản phẩm là một nhãn hiệu hoặc nhãn hiệu đã đăng ký của Công ty Tập đoàn Syngenta.
